

Số: **308** /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày **18** tháng 01 năm 2021

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng
01 năm 2021

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 01 năm 2021 như sau:

I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 01/2021.

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 01 năm 2021 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm), cụ thể:

1.1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 12 tháng năm 2020 đạt 692.292.000 tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 4% so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 177.385.000 tấn, tăng 11% với cùng kỳ năm 2019.
- Hàng nhập khẩu đạt 225.689.000 tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2019.
- Hàng nội địa đạt 287.753.000 tấn, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2019.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ 1.465.000 tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 12 tháng năm 2020 là: 22.418.000 TEUs, tăng 14% so với năm 2019, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 7.382.000 TEUs, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2019.
- Hàng nhập khẩu đạt 7.272.000 TEUs, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2019.
- Hàng nội địa đạt 7.764.000 TEUs, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 12 tháng đầu năm 2020 tăng 4% so với cùng kỳ năm 2019. Các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao như là: khu vực Thái Bình tăng 50% (từ 1.321.100 tấn đến 1.985.500 tấn); khu vực Quảng Trị tăng 33,3% (từ 935.017 tấn đến 1.246.377 tấn) lượng tăng chủ yếu là hàng khô và tổng hợp nội địa (tăng 35,8%) do khu vực mới phát sinh hàng xuất khẩu gỗ dăm sang Trung Quốc và hàng cát, thạch cao chở ra

Ninh Bình; khu vực Quảng Ngãi tăng 32,3% (từ 25.747.565 tấn đến 34.059.807 tấn), trong đó khối lượng hàng khô, tổng hợp nhập khẩu tăng 338,1% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, một số khu vực cảng biển khác như: Thanh Hóa, Mỹ Tho có mức tăng tương đối cao từ 10% đến 28% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, vẫn có nhiều khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm mạnh như khu vực cảng biển An Giang giảm 35%, mức giảm chủ yếu là khối lượng hàng khô, tổng hợp nội địa giảm 66% (từ 1.368.856 tấn xuống còn 465.990 tấn), khu vực Quảng Nam giảm 33% (từ 2.917.927 tấn xuống còn 1.965.586 tấn) mức giảm này chủ yếu là hàng khô, tổng hợp nhập khẩu giảm (41%) so với cùng kỳ, đặc biệt là khu vực TP. Hồ Chí Minh có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất cả nước cũng giảm 2,83% (4.584.980 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng một số khu vực lớn nhất như: TP. Hồ Chí Minh đạt 163,244 triệu tấn; Vũng Tàu đạt 113,29 triệu tấn; Quảng Ninh đạt 109,25 triệu tấn; Hải Phòng đạt 84,95 triệu tấn.

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong 12 tháng năm 2020 tăng 14% cùng kỳ năm 2019, đây là mức tăng trưởng tương đối cao so với vài tháng gần đây. Nhiều khu vực cảng biển có khối lượng hàng container thông qua tăng cao như Mỹ Tho tăng 89% (từ 7.610 Teus lên đến 14.396 Teus), Quy Nhơn tăng 34%, Đồng Tháp tăng 23%, Đà Nẵng tăng 20,2%, Vũng Tàu tăng 20%, TP. Hồ Chí Minh tăng 18,1% so cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, một số khu vực khác có khối lượng hàng container thông qua cảng biển thấp vẫn đang giảm như: khu vực Quảng Ninh giảm 52% (từ 87.793 Teus xuống còn 42.099 Teus), khu vực An Giang đạt 17.925 TEUs giảm 32%, Cần Thơ và Quảng Nam giảm 11% đến 25% với cùng kỳ năm 2019.

- Số lượt hành khách thông qua cảng biển tháng 12 năm 2020 đạt 347.459 lượt có xu hướng tăng trở lại so với vài tháng đầu năm tuy nhiên vẫn giảm 35% so với cùng kỳ năm 2019 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng); Tổng số lượt hành khách thông qua cảng biển 12 tháng đầu năm đạt 6.044.435 lượt hành khách giảm 20% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Ước tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển 01 tháng năm 2021 là: 55.390.000 tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng xuất khẩu đạt 14.191.000 tấn, tăng 6% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 18.056.000 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 23.021.000 tấn, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 122.000 tấn.

Trong đó: Ước hàng container thông qua cảng biển 01 tháng năm 2021 là: 1.794.000 TEUs, tăng 4% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 591.000 TEUs, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 582.000 TEUs, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 621.000 TEUs, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2020.

II. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua cảng biển và cảng biển do Vinalines quản lý (chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

2.1. Lượt tàu biển thông qua 12 tháng năm 2020, cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt 53.131 lượt, giảm 8 % so với cùng kỳ năm 2019.
- Lượt tàu nội thông qua đạt 62.397 lượt, giảm 3 % so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó:

- + Tàu xuất nhập cảnh đạt 6.426 lượt, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2019.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt 55.961 lượt, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2019.

2.2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa 12 tháng năm 2020, cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 372.715 lượt, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 48.653 lượt, tăng 39% so với năm 2019 và chiếm 13% tổng lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

2.3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 12 tháng năm 2020 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 469.694.741 tấn tăng 6% so với cùng kỳ năm 2019.
- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 222.597.375 tấn bằng với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 39.700.971 tấn, giảm 1% so với năm 2019 và chiếm 17,8% tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

2.4. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines Quản lý 12 tháng năm 2020 phụ lục II, cụ thể như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển đạt 90.787 triệu tấn tăng 5% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 13,1% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 23.609 triệu tấn chiếm 26%, thứ 2 là cảng bến CMIT đạt 13.68 triệu tấn chiếm 15,06% so với tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý.

+ Tăng cao nhất là cảng SSIT tăng 43% so với cùng kỳ năm trước, giảm nhiều nhất là cảng Ba Ngòi là 31% so với cùng kỳ năm trước.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải. *Long*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

PHỤ LỤC I

Biểu số 07-T

Ngày báo cáo: 15/01/2020

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN Tháng 1/2020

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725,367	0	55,390	55,390	53,154	104%	8%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		0	14,191	14,191	13,444		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		0	18,056	18,056	16,279		
	Hàng nội địa	1000 tấn		0	23,021	23,021	23,389		
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		0	122	122	42		
	Chia ra								
1	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252,253</u>	<u>0</u>	<u>19,220</u>	<u>19,220</u>	<u>18,232</u>	<u>105%</u>	
		<u>1000 Teus</u>	<u>24,884</u>	<u>0</u>	<u>1,794</u>	<u>1,794</u>	<u>1,725</u>	<u>104%</u>	7%
	Xuất khẩu	1000 Tấn		0	5,949	5,949	5,900		
		1000 Teus		0	591	591	604		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		0	6,314	6,314	5,871		
		1000 Teus		0	582	582	552		
	Nội địa	1000 Tấn		0	6,957	6,957	6,461		
		1000 Teus		0	621	621	569		
2	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81,927</u>	<u>0</u>	<u>6,243</u>	<u>6,243</u>	<u>7,309</u>	<u>85%</u>	8%
	Xuất khẩu	1000 tấn		0	553	553	456		
	Nhập khẩu	1000 tấn		0	2,170	2,170	2,426		
	Nội địa	1000 tấn		0	3,520	3,520	4,427		
3	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391,187</u>	<u>0</u>	<u>29,805</u>	<u>29,805</u>	<u>27,571</u>	<u>108%</u>	8%
	Xuất khẩu	1000 tấn		0	7,689	7,689	7,088		
	Nhập khẩu	1000 tấn		0	9,572	9,572	7,982		
	Nội địa	1000 tấn		0	12,544	12,544	12,501		
4	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79,435</u>	<u>0</u>	<u>5,973</u>	<u>5,973</u>	<u>6,217</u>	<u>96%</u>	8%

Ghi chú: Hàng hóa thông qua cảng bao gồm cả hàng hóa quá cảnh không được bốc dỡ tại cảng

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 12 NĂM 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng							
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua							
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển	lượt	10,568	11,013	96%	115,528	121,980	95%
1.1.1.1. Tàu ngoại	lượt	5,644	5,811	97%	53,131	57,756	92%
1.1.1.2. Tàu nội	lượt	4,924	5,202	95%	62,397	64,224	97%
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	617	617	100%	6,426	6,947	93%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	5,541	4,585	121%	55,961	58,208	96%
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng	tấn	61,112,649	60,084,866	101.7%	692,292,116	664,611,048	104%
Trong đó	+ Xuất khẩu	16,221,467	15,060,274	108%	177,385,385	159,863,962	111%
	+ Nhập khẩu	19,806,282	18,584,404	107%	225,688,827	204,711,746	110%
	+ Nội địa	24,956,862	26,072,087	96%	287,753,051	298,081,076	97%
	+ Hàng quá cảnh bốc dỡ	128,038	368,101	35%	1,464,853	1,954,264	75%
	+ container	21,835,196	21,207,337	103%	240,241,596	237,156,040	101%
	+ container	2,120,412	1,886,367	112%	22,417,705	19,634,615	114%

		+ Hàng lỏng		tấn	7,085,929	6,665,478	106%	78,025,449	80,058,306	97%
		+ Hàng kho		tấn	32,063,486	31,843,950	101%	372,560,218	345,442,438	108%
1.2.Sản lượng hàng hóa và số lượt phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua										
1.2.1. Tổng số PTTND		Lượt		30,290	33,050	92%	372,715	325,200	115%	
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		Lượt		4,706	2,599	181%	48,653	34,917	139%	
1.2.2. Tổng số tấn PTTND		tấn		18,729,728	20,731,691	90%	222,597,375	222,540,118	100%	
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven		tấn		3,625,263	3,818,783	95%	39,700,971	40,081,028	99%	
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển										
Tổng hàng hóa thông qua cảng		tấn		61,112,649	60,084,866	102%	692,292,116	664,611,048	104%	
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn		42,382,921	39,353,175	108%	469,694,741	442,070,930	106.2%	
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn		18,729,728	20,731,691	90%	222,597,375	222,540,118	100%	
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý		Triệu tấn		8.181	7.770	105%	90.787	86.178	105%	
Công ty CP Cảng Quảng Ninh		Triệu tấn		0.550	0.636	86%	5.620	6.248	90%	
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh		Triệu tấn		0.198	0.407	49%	3.700	4.123	90%	
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)		Triệu tấn		2.121	1.950	109%	23.609	21.185	111%	
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)		Triệu tấn		0.030	0.033	91%	0.299	0.324	92%	
Cảng Cửa Lò		Triệu tấn		0.42	0.346	121%	3.22	3.476	93%	
Cảng Bến Thủy		Triệu tấn		0.04	0.023	174%	0.3	0.238	126%	

Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0.826	0.859	96%	9.126	8.307	110%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0.100	0.083	120%	1.611	2.350	69%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	0.93	0.93	100%	9.3	10.45	89%
Cảng CMT	Triệu tấn	1.11	1.28	87%	13.68	12.79	107%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0.52	0.3	173%	6.09	6.13	99%
Cảng SSIT	Triệu tấn	1.13	0.74	153%	11.76	8.2	143%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0.057	0.056	102%	0.605	0.713	85%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0.078	0.083	94%	0.983	0.97	101%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0.071	0.044	161%	0.87	0.66	132%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0	0	100%	0.014	0.014	100%
III. Hàng hóa quá cảnh và hành khách							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	7,099,421	6,823,113	104%	74,655,747	76,478,706	98%
Lượt Hành khách thông qua	Lượt khách	347,459	528,165	66%	6,044,435	7,508,753	80%